

Bản án số: 81/2024/DS-ST
Ngày: 21-8-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quốc Cường
2. Bà Lê Thị Nhớ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng cầm cố" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S tiền có ngay. Đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N, chức vụ: Giám đốc, địa chỉ trụ sở: A N, phường B, Tp V, tỉnh Nghệ An. Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hoài V, sinh năm 1991, địa chỉ: E L, phường C, quận T, Tp Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn Thế V1, sinh năm 1996, trú tại: K T, tổ E, phường X, quận T, Tp Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án; bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Hoài V trình bày:

Vào ngày 09/09/2022, ông Lê Văn Thế V1 và Công ty TNHH S1 - Chi nhánh Đ 01 (nay là Công ty Cổ phần S tiền có ngay) ký kết Hợp đồng cầm cố số DNM220901015NA19X. Theo nội dung của Hợp đồng cầm cố số DNM220901015NA19X ngày 09/09/2022 thể hiện ông V1 chấp nhận cầm cố cho

Công ty TNHH S1 - Chi nhánh Đ 01: 01 chiếc xe máy biển số 43D1-815.32, loại xe Honda, số khung RLHJF6321KZ095797, số máy JF63E2510091 vay số tiền 18.700.000 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng, kể từ ngày 09/9/2022 đến ngày 09/9/2023, lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày kí hợp đồng và nhận tiền.

Thực hiện hợp đồng, **Công ty TNHH S1** đã giải ngân cho ông **V1** số tiền cầm cố là 18.700.000 đồng (Mười tám triệu, bảy trăm ngàn đồng), đồng thời Công ty đã nhận bảo đảm khoản tiền cầm cố trên bằng chiếc xe máy biển số 43D1-815.32, loại xe Honda, số khung RLHJF6321KZ095797, số máy JF63E2510091, thuộc quyền sở hữu của ông **V1**.

Ngày 09/9/2022, ông **V1** đã ký Giấy ủy quyền cho **Công ty TNHH S1** được thay mặt ông **V1** quản lý, sử dụng, định đoạt (cho thuê, bán) chiếc xe mang biển kiểm soát 43D1-815.32. Cùng ngày, ông **V1** ký Giấy mượn xe ngày 09/9/2022 xin mượn lại chiếc xe máy đang cầm cố trong thời hạn một tháng từ ngày 09/9/2022 đến hết ngày 09/10/2022 và phía nguyên đơn đã đồng ý bàn giao tài sản cầm cố trên cho phía bị đơn.

Sau khi nhận đủ số tiền cầm cố, ông **V1** thanh toán cho **Công ty TNHH S1** được 5 kỳ tổng cộng 13.469.999 đồng, trong đó tiền gốc là 7.361.393 đồng, lãi trong hạn là 948.835 đồng, phí là 395.054 đồng, phí mượn xe là 2.748.900 đồng, phí trễ hạn là 2.015.817 đồng. Kể từ ngày 09/3/2023 đến nay ông **V1** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như đúng cam kết trong hợp đồng cầm cố và Giấy mượn xe mặc dù **Công ty TNHH S1** đã liên hệ nhiều lần nhưng ông **V1** vẫn trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ dù đã quá thời hạn cầm cố từ lâu. Hơn nữa, xe máy mang biển kiểm soát 43D1-815.32 cho ông **V1** mượn lại đã quá hạn nhưng ông **V1** vẫn không mang trả lại tài sản cầm cố trên cho **Công ty TNHH S1** - nay là **Công ty Cổ phần S2** có ngay.

Vì vậy, **Công ty Cổ phần S2** có ngay khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết Buộc ông **Lê Văn Thế V1** phải trả lại cho **Công ty Cổ phần S** tiền có ngay 01 chiếc xe máy biển số 43D1-815.32, loại xe Honda, số khung RLHJF6321KZ095797, số máy JF63E2510091 mà ông **V1** đã mượn lại của Công ty để hai bên thực hiện việc thanh lý hợp đồng cầm cố. Trường hợp ông **V1** không thể trả lại xe thì ông **V1** phải thanh toán cho **Công ty Cổ phần S** tiền có ngay số tiền tạm tính đến ngày 25/4/2024 là 17.525.000đ (Mười bảy triệu, năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) trong đó bao gồm: 11.338.606 đồng là tiền gốc, 427.100 đồng là lãi suất cố định, 230.371 đồng là phí quản lý hồ sơ cố định, 1.963.500 đồng là phí mượn xe, 3.564.547 đồng là phí trễ hạn theo Hợp đồng cầm cố số DNM220901015NA19X ngày 09/9/2022.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông **Lê Văn Thế V1** phải giao trả lại 01 xe Honda, có biển kiểm soát số 43D1-815.32 cho **Công ty TNHH S1**.

Thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông **Lê Văn Thế V1** có nghĩa vụ phải thanh toán cho **Công ty Cổ phần S2** có ngay số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/8/2024 là 16.238.871 đồng (Mười sáu triệu, hai trăm ba mươi tám ngàn, tám trăm bảy mươi một đồng), bao gồm: tiền gốc là 11.338.606 đồng, lãi trong hạn là 427.101 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định là 230.371 đồng, lãi quá hạn (lãi suất 1,65%/tháng tính từ ngày 09/3/2023 đến ngày 19/8/2024) là 2.279.292 đồng đối với Hợp đồng cầm cố tài sản số DNM220901015NA19X ngày 09/09/2022 và phí mượn xe là 1.963.500 đồng đối với Giấy mượn xe ngày 09/9/2022.

*Đối với bị đơn **Lê Văn T V** vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập lệ nhiều lần, không thể hiện ý kiến.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của **Công ty Cổ phần S2** có ngay về việc "Tranh chấp hợp đồng cầm cố" đối với bị đơn ông **Lê Văn T** Vỹ có nơi cư trú tại **quận T, Tp Đà Nẵng** là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn ông **Lê Văn Thế V1** vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét về nội dung khởi kiện:

Vào ngày 09/09/2022, ông **Lê Văn Thế V1** và **Công ty TNHH S1 - Chi nhánh Đ 01** (nay là **Công ty Cổ phần S** tiền có ngay) ký kết Hợp đồng cầm cố số DNM220901015NA19X. Theo nội dung của Hợp đồng cầm cố số DNM220901015NA19X ngày 09/09/2022 thể hiện ông **V1** chấp nhận cầm cố cho **Công ty TNHH S1 - Chi nhánh Đ 01**: 01 chiếc xe máy biển số 43D1-815.32, loại xe Honda, số khung RLHJF6321KZ095797, số máy JF63E2510091 vay số tiền 18.700.000 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng, kể từ ngày 09/9/2022 đến ngày 09/9/2023, lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cầm cố. Hợp đồng cầm cố nêu trên được đăng ký giao dịch bảo đảm trên Hệ thống đăng ký trực tuyến của **Cục Đ1**: Giaodichdambao/botuphap theo web: <http://dktructuyen.moj.gov.vn/>. Ngoài ra, hai bên còn ký kết Phụ lục Hợp đồng cầm cố. Ông **V1** ký Giấy mượn xe ngày 09/9/2022 xin mượn lại chiếc xe máy đang cầm cố trong thời hạn một tháng từ ngày 09/09/2022 đến hết ngày 09/10/2022.

Như vậy, Hợp đồng cầm cố và Phụ lục Hợp đồng cầm cố, Giấy mượn xe nêu trên được ký kết giữa ông **Lê Văn Thế V1** và **Công ty TNHH S1 - Chi nhánh Đ 01** (nay là **Công ty Cổ phần S** tiền có ngay) hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội theo quy định tại Điều 117, 309,

310 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực ràng buộc các bên tham gia kể từ thời điểm ký kết.

Sau khi nhận đủ số tiền cầm cố, ông **V1** thanh toán cho **Công ty TNHH S1** được 5 kỳ tổng cộng 13.469.999 đồng, trong đó tiền gốc là 7.361.393 đồng, lãi trong hạn là 948.835 đồng, phí là 395.054 đồng, phí mượn xe là 2.748.900 đồng, phí trễ hạn là 2.015.817 đồng. Kể từ ngày 09/3/2023 đến nay ông **Lê Văn Thế V1** đã không thực hiện đúng thời hạn cam kết về nội dung thỏa thuận trả tiền gốc, lãi, phí và trả xe máy biển số 43D1-815.32 là vi phạm Hợp đồng cầm cố: “Thời hạn cầm cố là 12 tháng, kể từ ngày 09/9/2022 đến ngày 09/9/2023” (Điều 3), “Lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền”, “Thời hạn thanh toán: vào ngày 09 hàng tháng từ tháng 10/2022 đến tháng 09/2023”, “Lãi suất quá hạn 150% mức lãi suất cầm cố...” (Điều 4), tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Phí hợp lý khác theo quy định tại mục 1 của Phụ lục về Điều khoản chung đính kèm Hợp đồng này” (Điều 5) và Giấy mượn xe: “Thời hạn mượn xe là 30 ngày, từ ngày 09/09/2022 đến 09/10/2022”, “trả lại xe khi hết hạn”.

Vì vậy, căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự, căn cứ vào bảng tính lãi trong hạn, lãi quá hạn của **Công ty Cổ phần S** tiền có ngay, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông **Lê Văn Thế V1** phải thanh toán cho **Công ty Cổ phần S** tiền có ngay số tiền tạm tính đến ngày 21/8/2024, cụ thể:

- Đối với hợp đồng cầm cố tài sản số DNM220901015NA19X ngày 09/09/2022: Tiền gốc là: 11.338.606 đồng; lãi trong hạn là 427.100 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định là 230.371 đồng, lãi quá hạn (lãi suất 1,65%/tháng tính từ ngày 09/3/2023 đến ngày 19/8/2024) là 2.279.292 đồng. Tổng cộng: 14.275.371 đồng.

- Đối với Giấy mượn xe ngày 09/9/2022: phí mượn xe là: 1.963.500 đồng.

Tổng số tiền ông **V1** phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho **Công ty Cổ phần S** tiền có ngay là: $14.275.371 + 1.963.500 = 16.238.871$ đồng (Mười sáu triệu, hai trăm ba mươi tám ngàn, tám trăm bảy mươi một đồng).

Sau khi ông **Lê Văn T** Vũ thanh toán đầy đủ các khoản tiền nêu trên, **Công ty Cổ phần S** tiền có ngay trả lại cho ông **Lê Văn T** Vũ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 056560 do **Công an quận T**, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/5/2022 đứng tên ông **Lê Văn T** Vũ theo quy định tại Điều 316 Bộ luật dân sự.

[4.3] Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của **Công ty Cổ phần S** tiền có ngay rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung buộc ông **V1** phải giao trả lại 01 chiếc xe máy biển số 43D1-815.32, loại xe Honda, mà ông **V1** đã mượn lại của **Công ty Cổ phần S** tiền có ngay. Xét việc rút các yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là tự nguyện nên căn cứ vào Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của **Công ty Cổ phần S** tiền có ngay được chấp nhận nên ông **Lê Văn Thế V1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S tiền có ngay số tiền tạm ứng án phí là 438.125đ (Bốn trăm ba mươi tám ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001236 ngày 23/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 217, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 280, 309, 310, 314 và 316 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S tiền có ngay đối với ông Lê Văn Thế V1 về việc "Tranh chấp hợp đồng cầm cố".

Tuyên xử:

1. Buộc ông Lê Văn Thế V1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S tiền có ngay số tiền tạm tính đến ngày 21/8/2024, là: 16.238.871 đồng (Mười sáu triệu, hai trăm ba mươi tám ngàn, tám trăm bảy mươi một đồng), trong đó: Tiền gốc là: 11.338.606 đồng, L trong hạn là 427.101 đồng.; L quá hạn là 2.279.292 đồng; phí quản lý hồ sơ là 230.371 đồng, phí mượn xe là 1.963.500 đồng.

Kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Văn Thế V1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ông Lê Văn T Vỹ thanh toán đầy đủ các khoản tiền nêu trên Công ty Cổ phần S tiền có ngay phải trả lại cho ông Lê Văn T Vỹ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 056560 do Công an quận T, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/5/2022 đứng tên ông Lê Văn Thế V1.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Công ty Cổ phần S tiền có ngay đối với yêu cầu buộc ông V1 phải giao trả lại 01 chiếc xe máy biển số 43D1-815.32, loại xe Honda mà ông V1 đã mượn lại của Công ty Cổ phần S tiền có ngay.

3. Về án phí:

Ông Lê Văn Thế V1 phải chịu 811.943 đồng (Tám trăm mười một ngàn, chín trăm bốn mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S tiền có ngay số tiền tạm ứng án phí là 438.125đ (Bốn trăm ba mươi tám ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001236 ngày 23/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Hưng